

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thành

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1040/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, Tp. Q, Tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

3. Địa chỉ: Thôn T, xã P, Tp. Q, Tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc Đ đăng ký kết hôn số: 48 ngày 22/11/2017 tại UBND xã P, thành phố Q, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến đầu năm 2020 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, lối sống và cách nuôi dạy con cái nên thường xuyên mâu thuẫn với nhau, không có tiếng nói chung. Nhiều lần vợ chồng cũng đã hòa giải mâu thuẫn nhưng tính cách của hai người vẫn không hòa hợp được với nhau. Đến đầu tháng 3/2020 thì vợ chồng mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân đến nay. Ngoài ra anh Đ còn đánh đập chị. Cụ thể vào ngày 04/01/2021, Tòa tiến hành hòa giải vợ chồng, sau khi hòa giải không thành thì anh Đ chặn đánh chị tại cầu thang Tòa án làm cho chị phải nhập viện điều trị thời gian từ ngày 05 đến ngày 08/01/2021 ra viện.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể nào chung sống với anh Đ được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung: Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 04/02/2016. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay đang ở với anh Đ. Khi ly hôn chị đồng ý anh Đ nuôi cháu T. Còn việc cấp dưỡng nuôi con thì vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 27/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Ngọc Đ trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị D đã khai. Anh và chị D đăng ký kết hôn số: 48 ngày 22/11/2017 tại UBND xã P, thành phố Q, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, lối sống và cách nuôi dạy con cái và vợ chồng cũng đã hòa giải với nhau nhưng chị D tự bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở và không ở chung với gia đình anh nữa. Chị D đòi ra ở riêng nhưng anh không đồng ý. Theo anh thì tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể hàn gắn được. Anh vẫn còn thương yêu chị D nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung: Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 04/02/2016. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay đang ở với anh. Nếu ly hôn thì anh xin nuôi cháu T. Còn việc cấp dưỡng nuôi con thì vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lê Ngọc Đ.
- Về nuôi con chung: Anh Lê Ngọc Đ được quyền nuôi con chung là: Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 04/02/2016.
- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh Đ không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.
- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.
- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Ngọc Đ - là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Ngọc Đ.

[2] *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc Đ là hôn nhân hợp pháp. Chị D khai rằng hạnh phúc gia đình đổ vỡ là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái và mỗi lần mâu thuẫn là anh Đ còn đánh chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ chị ở nhưng vì con chị cố gắng chịu đựng để gia đình hòa thuận nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Hơn nữa anh Đ còn đánh chị phải nhập viện điều trị. Nay chị không thể nào chung sống với anh Đ được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn anh Đ. Còn bị đơn anh Đ tuy không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án Tòa đã tạo điều kiện hòa giải để chị D và anh Đ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ còn đánh chị D tại Tòa làm cho chị D phải nhập viện điều trị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lại càng gay gắt hơn.

Xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh Đ không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh Đ có 01 con chung là: Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 04/02/2016, sức khỏe cháu bình thường và hiện nay đang ở với anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án chị D và anh Đ cũng thống nhất nếu Tòa xử cho ly hôn thì anh Đ nuôi cháu T. Về việc cấp dưỡng nuôi con thì chị D và anh Đ tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét thấy: Hiện nay cháu T đang ở ổn định với anh Đ và còn nhỏ. Hơn nữa cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được nuôi dưỡng, chăm sóc của anh Đ. Nếu thay đổi người nuôi con sẽ ảnh hưởng đến điều kiện, môi trường nuôi dưỡng của cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T. Do đó yêu cầu của chị D đồng ý anh Đ nuôi cháu T và cũng được anh Đ đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh Đ không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D và anh Đ không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn anh Lê Ngọc Đ.
2. Về nuôi con chung:
 - Giao con chung là: Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 04/02/2016 cho anh Lê Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng.
 - Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh Đ không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị D và anh Đ không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0003034 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSNDTP.Q;
-UBND xã P;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương